

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HC-PT

Ngày: 26-6-2018

V/v “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý nhà nước về đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Nguyễn Hữu Mừng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLPT - HC ngày 26 tháng 03 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2018; Thông báo hoãn phiên tòa số 441/2018/TB-TA ngày 14-5-2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 556/TB-MLPT ngày 01-6-2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1934 (chết ngày 02/12/2015).

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:*

1. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1955, Trú tại: số 565 Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Huỳnh Văn L ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1952 (theo văn bản ủy quyền ngày 24-8-2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích Hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện: Luật sư Phan thị Lệ T - Văn phòng luật sư B - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 77/85 đường C, phường 9, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 15 đường N, tổ 9, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người bị kiện*: UBND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trụ sở: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn P, Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị P, Chức vụ: Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền số 27/GUQ-UBND ngày 16-9-2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích Hợp pháp của người bị kiện: ông Phan Anh T, sinh năm 1981 - Phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1937. Địa chỉ: Nhà trọ ông V, đường C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Ngô Đức H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Xuân M, bà Huỳnh Thu T, bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Huỳnh Ngọc P.

Cùng trú tại Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh Văn L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Bà T, bà V có mặt tại phiên tòa, bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thì nội dung vụ án như sau:

Người khởi kiện ông Huỳnh Văn P, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của ông P là ông Huỳnh Văn L ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Thu V trình bày:

1.1 Về yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14-8-2000:

Vào năm 1976 ông Huỳnh Văn P đứng tên sang nhượng của bà Nguyễn Thị C diện tích đất 5.000m² và đăng ký đất đai tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn L năm 1978, từ năm 1979 diện tích đất 5.000m² này do Nông trường ngô quản lý. Trong thời gian Nông trường ngô quản lý đất, tại Giấy ung thuận ngày 09-10-1981 bà X xác định diện tích 5.000m² này là tài sản riêng của ông P. Năm 1991, Nông trường ngô giải thể, gia đình lấy lại đất diện tích 5.000m²; tháng 2 năm 1992 ông P đi làm ăn xa có giao lại đất cho vợ

chồng ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Thu V quản lý sử dụng, cuối năm 1992 bà X tự ý bán 3.000m² cho ông Lê Tất Đ còn lại 2.000m² theo yêu cầu của ông P tạm thời giao cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc H làm. Năm 1993, ông H chết thì vợ chồng ông L lấy lại đất và sử dụng đất; năm 1995 bà X có đến UBND thị trấn L ủy quyền cho ông Huỳnh Văn L 2.000m² (*Giấy ủy quyền đất ngày 29-12-1995*) bà X không có tranh chấp và thừa nhận bán 3.000m². Đến cuối năm 1995 vợ chồng ông L, bà V cho ông Lê Đức T thuê đến năm 2000 hết hạn, trong thời gian này bà V là người đóng thuế đất và năm 1999 vợ chồng ông L, bà V đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đang chờ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*bà V cung cấp 02 biên lai thu thuế số 021278 quyển số 0426 ngày 15-12-1999, số 035381 quyển số 0708 ngày 07-6-2000*).

Năm 1999 Nhà nước có chính sách làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*GCNQSDĐ*), ông P gửi Giấy ủy quyền ngày 20-12-1999 để ủy quyền cho ông L, bà V kê khai đăng ký diện tích đất 2.000m² đứng tên ông Huỳnh Văn P nhưng giữa năm 2000 bà Đỗ Thị X dùng giấy ủy quyền giả mạo chữ ký của ông P đề ngày 21-12-1999 để kê khai, đăng ký và được UBND huyện Đ cấp *GCNQSDĐ* theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14-8-2000.

Lý do yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14-8-2000 bao gồm:

Giấy ủy quyền ngày 21-12-1999 do công an xã Q xác nhận không có giá trị pháp lý theo Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29-3-1999 của Chính phủ phải do UBND xã, phường xác nhận.

Theo Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục địa chính ngoài đơn kê khai phải có giấy tờ pháp lý kèm theo nguồn gốc đất đang sử dụng, sơ đồ tuy nhiên ngoài giấy ủy quyền bà X không giấy tờ gì để chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích đất trên.

Ông P đứng tên mua đất, kê khai sử dụng đất, sổ địa chính đứng tên ông P, ông L là người trực tiếp sử dụng đất, bà X không sử dụng đất này.

UBND thị trấn L trong quá trình xét, cấp *GCNQSDĐ* cho hộ bà X không mời ông P làm việc và yêu cầu ông P làm lại thủ tục hợp lệ để cấp *GCNQSDĐ* cho ông P.

Đơn đăng ký cấp *GCNQSDĐ* của bà X ngày 18-5-2000 không có chữ ký của bà X nhưng 02 ngày sau bà X vẫn được xét cấp *GCNQSDĐ* ngày 20-5-2000 là không đúng.

Sổ đăng ký cấp *GCNQSDĐ* tại UBND thị trấn L có chèn tên bà Đỗ Thị X.

1.2 Về yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008:

Sau khi được cấp *GCNQSDĐ*, bà Đỗ Thị X bán đất cho vợ chồng ông H1 diện tích đất 1.900m² với giá 1,9 chỉ vàng, ông H1 chia cho bà H1 500m², gia đình bà phát hiện và ngăn chặn việc mua bán, khiếu nại ngày 20-6-2000 tại UBND thị trấn L, huyện Đ. Khi UBND thị trấn L mời làm việc ngày 03-12-2000 bà V được biết bà X đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong thời gian 45 ngày nếu không có ý kiến khiếu nại của ông P thì tiến hành thủ tục sang nhượng đất giữa bà X và vợ chồng ông H1 theo quy định của pháp luật. Do có sự tranh chấp đến ngày 12-01-2001 ông H1 làm giấy trả

lại đất không mua nữa. Vào ngày 23-12-2001 ông P khiếu nại và khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đ năm 2003, theo Thông báo kết quả giám định ngày 15-12-2003 giám định chữ ký trong giấy ủy quyền ngày 21-12-1999 không phải chữ ký của ông P. Năm 2006, bà Đỗ Thị X xác nhận tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông diện tích đất 2.000m² của ông P và Giấy ủy quyền ngày 21-12-1999 do bà Huỳnh Thị Kim L viết và ký chữ ký của ông P để kê khai tên bà X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.900m² thửa 571, tờ bản đồ 40 thị trấn L, huyện Đ và bà X có đơn xin trình bày ngày 18-5-2006 trả lại diện tích đất 1.900m² cho ông P (*Giấy xác nhận ngày 18-5-2006 và Đơn xin trình bày ngày 18-5-2006*). Trên cơ sở đó, ông Huỳnh Văn P và bà Đỗ Thị X làm Giấy cho đất ngày 18-5-2006 cho Huỳnh Thị Thanh T với nội dung: *cùng đồng ý thỏa thuận xóa tên hộ bà Đỗ Thị X của GCNQSDĐ diện tích 1.900m² để giao lại GCNQSDĐ trên cho cháu nội mang tên Huỳnh Thị Thanh T... được toàn quyền sở hữu và có quyền mua, bán hoặc sang nhượng diện tích đất trên cho bất cứ ai, chúng tôi không còn tranh chấp nữa vì bà X đã thỏa thuận trả lại đất (Giấy cho đất ngày 18-5-2006).*

Vào ngày 07-10-2008, bà V có gửi đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đến Tòa án nhân dân huyện Đ để hủy Hợp đồng mua bán và ngày 13-10-2008 gửi đơn đến UBND Huyện Đ yêu cầu hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho bà Đỗ Thị X, gửi đơn đến UBND thị trấn L và đất đang tranh chấp vào cuối năm 2008 UBND huyện Đ cho bà Đỗ Thị X sang nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Ngô Đức H2 và cấp GCNQSDĐ cho ông H2 theo Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 tuy nhiên bà X xác nhận chưa hề bán đất cho ông Ngô Đức H2 cũng chưa hề đến cơ quan nào để ký bán đất cho ai cả (*cung cấp Giấy xác nhận ngày 19-9-2011*).

Lý do yêu cầu hủy Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 vì:

Giấy sang nhượng đất của bà X cho ông T1, ông T2, ông H3, bà H1 vào ngày 10-8-2000 ghi rõ bà X đã giao sổ đỏ nhưng thực tế ngày 14-8-2000 bà X mới cấp GCNQSDĐ.

Ông Huỳnh Văn P và bà Đỗ Thị X làm Giấy cho đất ngày 18-5-2006 cho Huỳnh Thị Thanh T tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xác nhận.

Tranh chấp đất đai đối với diện tích đất 2.000m² từ năm 2000 và giấy xác nhận tặng cho đất cho Huỳnh Thị Thanh T ngày 18-5-2006, UBND huyện Đ vẫn cho phép bà Đỗ Thị X sang nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Ngô Đức H2 và cấp GCNQSDĐ cho ông H2 không đúng pháp luật.

GCNQSDĐ ngày 14-8-2000 cấp cho hộ bà Đỗ Thị X, ông P và bà X cùng chung hộ khẩu, đang là vợ chồng trong Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 10-12-2008 chỉ ghi cá nhân bà Đỗ Thị X, một mình bà X đứng ký bán đất.

Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 10-12-2008 không minh bạch vì chính quyền địa phương xác nhận không biết việc sang nhượng đất và bà X xác nhận không có việc mua bán, làm thủ tục sang nhượng đất cho ông H2.

Phiếu thông tin địa chính ngày 15-12-2008 của UBND huyện Đ và các loại giấy tờ của hồ sơ chuyển qua cơ quan thuế không có đóng dấu không có giá trị pháp lý.

Giấy ủy quyền ngày 21-12-1999 không có thời hạn thì theo quy định của BLDS chỉ có giá trị trong vòng 01 năm.

1.3. Đối với người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc.

2. *Người bị kiện*: UBND huyện Đ do bà Huỳnh Thị P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14-8-2000: Lô đất diện tích 1.900m² thuộc thửa đất số 571, tờ bản đồ số 10 thị trấn L do vợ chồng ông Huỳnh Văn P, bà Đỗ Thị X sang nhượng công khai phá từ năm 1976. Năm 1995, bà X có thỏa thuận sang nhượng diện tích đất trên cho bà V nhưng việc sang nhượng không thành. Ngày 21-12-1999, ông P làm giấy ủy quyền cho bà Đỗ Thị X được toàn quyền quyết định, sử dụng và đề nghị hợp thức hóa lô đất này cho bà X, Giấy ủy quyền được Công an xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk xác nhận. Sau khi có giấy ủy quyền vào năm 2000, bà X lập thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất trên, hồ sơ được xét duyệt, công khai và lập thủ tục theo đúng quy định pháp luật về đất đai. Trong quá trình công khai không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại như vậy trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị X là đúng quy định pháp luật. Sau khi được cấp GCNQSDĐ bà X đã sang nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho bà H1 500m², ông T1 500m², ông H3 500m², ông T2 400m². Vào năm 2001, bà V khởi kiện bà X tại Tòa án yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng năm 1995 nhưng bị bác yêu cầu, vào năm 2004 ông P làm đơn đến Tòa án yêu cầu bà X hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà X và 04 hộ nêu trên bị Tòa án bác yêu cầu vì hợp đồng chuyển nhượng đúng quy định pháp luật.

Về quá trình giải quyết khiếu nại: vào năm 2005, bà Huỳnh Thị Thu V nhận ủy quyền từ ông Huỳnh Văn P khiếu nại đến UBND huyện Đ cho rằng UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị X là không đúng quy định pháp luật vì bà X giả mạo giấy tờ và ông P không ký vào giấy ủy quyền ngày 21-12-1999. Qua xác minh khi làm việc với Tòa án nhân dân huyện Đ ông P đã thừa nhận mặc dù ông không biết chữ nhưng giấy ủy quyền ngày 21-12-1999 do ông nhờ người con gái Huỳnh Thị Kim L viết và ký được Công an xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk xác nhận và đây là ý chí của ông P cho nên đến ngày 12-01-2002 ông mới làm đơn xin rút lại giấy ủy quyền như vậy từ năm 2000 UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị X đúng quy định pháp luật do vậy UBND huyện Đ đã ban hành quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 14-10-2005 bác đơn khiếu nại của bà V. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại bà V tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Lâm Đồng và UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 2837/QĐ-UBND-TD ngày 05-10-2006 không chấp nhận đơn của bà đồng thời giữ nguyên Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 14-10-2005 của UBND huyện Đ.

Đối với Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008: Sau khi bà X được GCNQSDĐ đã lập thủ tục tách thửa và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân, hồ sơ chuyển nhượng được lập đúng quy định của pháp luật về đất đai nên UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình cá nhân nhận chuyển nhượng đúng quy định pháp luật về đất đai.

UBND huyện Đ không đồng ý và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, giữ nguyên Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14-8-2000, Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 của UBND huyện Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Ngô Đức H2 trình bày:

Vào năm 2000 bà Nguyễn Thị H1 (mẹ ruột ông Ngô Đức H2) và người khác có sang nhượng đất của bà Đỗ Thị X do gia đình bà X có tranh chấp nên khi được giải quyết khiếu nại cuối cùng vào tháng 10 năm 2006, bà H1 nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích 1.900m² thuộc thửa đất số 571, tờ bản đồ số 10 thị trấn L và chuyển quyền cho ông, đến ngày 29-12-2008 ông được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 và sử dụng đất từ năm 2000 cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện, ông không đồng ý và yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 của UBND huyện Đ.

3.2 Bà Đỗ Thị X đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc.

3.3 Bà Nguyễn Thị Xuân M, bà Huỳnh Thu T, bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Huỳnh Ngọc P xác định không liên quan đến vụ án nên được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc.

Tại bản án số 01/2018/HC-ST ngày 16-01-2018, Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

“Căn cứ Điều 30, 31, 115, 191, 193, 194, 195, 204, 206 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 1987, năm 1993 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tổng cục địa chính;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P do ông Huỳnh Văn L kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 788/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 14-8-2000 của UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân tại thị trấn L, huyện Đ và 1 phần Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 của UBND huyện Đ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.”

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí hành chính sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo cho các đương sự có mặt, cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

Trong hạn luật định, đến ngày 27-01-2018, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Huỳnh Văn L có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 16-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Lý do, không đồng ý toàn bộ bản án và yêu cầu tòa án phúc thẩm giải quyết lại cho ông và ủy quyền lại cho bà Huỳnh Thị Thu V được toàn quyền quyết định mọi vấn đề trong giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm cho đến khi giải quyết xong vụ việc.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Thị Thu V là người được ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm huỷ 1 phần Quyết định số 788/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 14-8-2000 của UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân tại thị trấn L, huyện Đ và 1 phần Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 của UBND huyện Đ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.” Lý do là việc cấp đất cho bà X là không đúng đối tượng, không đúng trình tự theo quy định dẫn đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng trái pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên các Quyết định hành chính bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm;

Người khởi kiện (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện), người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Kháng cáo của ông Huỳnh Văn L phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng nên chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng cáo của ông Huỳnh Văn L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng trong vụ án hành chính “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”, chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, tranh luận của người khởi kiện, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phát biểu quan điểm của kiểm sát viên và sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xác định tư cách tố tụng và giải quyết vắng mặt của các đương sự:

Toà án đã triệu tập ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị H, ông Ngô Đức H2, Bà Đỗ Thị X, Bà Nguyễn Thị Xuân M, bà Huỳnh Thu T, bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Huỳnh Ngọc P lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa, người đại

diện theo ủy quyền cho người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 255 Luật tố tụng hành chính, hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

Trong quá trình khởi kiện ông P chết (02-12-2015) Toá án cấp sơ thẩm đưa các con ông Huỳnh văn P là Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị Kim L, Huỳnh Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác, tuy nhiên việc xác định này cũng không làm ảnh hưởng đến nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm. Do vậy HĐXX phúc thẩm sửa xác định lại là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện Theo quy định tại khoản 1 khoản 6 điều 59 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Tính Hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện có nội dung phù hợp với quy định tại điều 205; thực hiện trong hạn luật định tại khoản 1 điều 206 và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại điều 209 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

[3]. Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn L:

Ông Huỳnh Văn L không đồng ý bản sơ thẩm, yêu cầu toà án cấp phúc thẩm xem xét hủy một phần Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14-8-2000 và một phần Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 của chủ tịch UBND huyện Đ.

[3.1]. *Xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:*

Xuất phát từ việc Ông P khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14-8-2000 của UBND huyện Đ và một phần Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 của Chủ Tịch UBND huyện Đ là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”, vụ việc được khiếu nại từ (01-06-2006 đến ngày 01-07-2011) và giải quyết nhiều lần trong năm 2012. Đến 11-06-2012 ông P khởi kiện các quyết định trên nên Toà án nhân dân huyện Đ áp dụng điều 3 và khoản 1 điều 4 nghị quyết 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội hướng dẫn thi hành luật tố tụng hành chính và áp dụng các điều 30,31 điều 115 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Việc thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét tính hợp pháp của *quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14/8/2000 của UBND huyện Đ* về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Đỗ Thị X thấy rằng:

Về nguồn gốc, diện tích đất và trình tự lập hồ sơ địa chính và hồ sơ đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện thì diện tích đất 2000m² thực tế là 1900m² thuộc thửa đất số 571 tờ bản đồ số 10 thị trấn L, Đ nằm trong diện tích đất 5000m² bà X, ông P sang nhượng lại của bà Nguyễn Thị C vào năm 1976. Diện tích đất này đã được đưa vào hợp tác xã Nông trường ngô quản lý. Năm 1991, Nông trường ngô giải

thể, gia đình tái chiếm diện tích 5000m². Năm 1992, ông P sang Đắc Lắc sinh sống, cuối năm 1992 bà X đã bán 3000m², còn lại 2000m² giao lại cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc H làm. Năm 1999, Nhà nước có chính sách làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, lúc này bà X là người trực tiếp quản lý sử dụng đã nộp đơn đăng ký kê khai cấp đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho hộ bà X, ông P đi khỏi địa phương từ năm 1992 đến năm 2007 (*trong hồ sơ lưu trữ của Công an huyện Đ, sổ hộ khẩu 0017 tại thời điểm xét cấp chỉ có tên bà Đỗ Thị X*). Trong quá trình canh tác sử dụng đất bà X đã có đơn đăng ký kê khai vào ngày 18/5/2000 (*bản chính lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ*), tại sổ ghi biên bản xét duyệt được lưu trữ tại UBND thị trấn L thể hiện tại cuộc họp ngày 20/5/2000 thì tổng số hộ đề nghị được xét cấp là 87 hộ, số hộ hợp lệ là 64, số thứ tự trong biên bản liên tiếp nhau không có sự trùng lặp, trong danh sách niêm yết, những hộ gia đình được xét cấp ngày 22/5/2000 có tên bà Đỗ Thị X (*số thứ tự 36*). Trên cơ sở này, ngày 22/5/2000, UBND thị trấn L tiến hành niêm yết công khai đến ngày 02/6/2000 không ai thắc mắc khiếu nại nên UBND thị trấn L xác nhận vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà X vào ngày 05/6/2000 để trình UBND huyện Đ xét cấp GCNQSDĐ đất là phù hợp Điều 18 Luật đất đai năm 1987 và Điều 2, 18, 24 Luật đất đai năm 1993 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tổng cục địa chính nên việc bà Đỗ Thị X đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được cấp đất là đúng pháp luật.

Đối với giấy uỷ quyền ngày 21/12/1999 cấp sơ thẩm cũng đã nhận định và làm rõ được là do bà Huỳnh thị Kim L con gái ông P viết, nội dung uỷ quyền cho bà X (*vợ ông P*) đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000 và đến ngày 12/01/2002 ông P mới rút lại nội dung uỷ quyền điều đó chứng minh được việc bà X đăng ký kê khai quyền sử dụng đất ông P biết và không có ý kiến tại thời điểm bà X đăng ký và được cấp GCNQSDĐ.

Do vậy, việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện cho rằng UBND thị trấn L thực hiện tình tự, thủ tục xét cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị X thực hiện không đúng đối tượng, không đúng Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính, không thẩm tra hồ sơ, có sự viết chèn tên bà Đỗ Thị X vào biên bản xét duyệt cấp đất là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3]. Xét tính hợp pháp của *quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của chủ tịch UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất*.

Bà Đỗ Thị X đã chuyển nhượng diện tích 1.900m² thuộc thửa đất số 571, tờ bản đồ số 10 thị trấn L cho bà Nguyễn Thị H1 (*mẹ ruột ông Ngô Đức H2*) và cho nhiều người khác trong đó có bà Huỳnh Thị Thu V. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Huỳnh Thị Thu V thừa nhận do kéo dài thời gian để khiếu nại việc xét cấp đất cho bà X nên bà đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà X nhưng trên thực tế không có việc chuyển nhượng để chờ ông P về. Sau khi ông P có tranh chấp và khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Đỗ Thị X, tuy nhiên trong đơn đề nghị thể hiện đến năm 2006

ông P vẫn còn ở Đắc Nông và sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại UBND huyện Đ số 1861/QĐ-UBND ngày 14/10/2005 bác đơn khiếu nại của bà V, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 2837/QĐ-UBND-TD ngày 05/10/2006 không chấp nhận đơn giữ nguyên Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 14/10/2005 của UBND huyện Đ nên UBND huyện Đ căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng của bà X và ông Ngô Đức H2 ngày 10/12/2008 được lập tại UBND thị trấn L để xét cấp quyền sử dụng đất cho ông H2 là đúng trình tự, thủ tục. Bà Huỳnh Thị Thu V cho rằng bà X không chuyển nhượng, không bán và đã lập giấy trả lại đất cho ông P đồng thời ông P đã lập di chúc (26/5/2005), lập giấy tặng cho quyền sử dụng đất cho cháu nội Huỳnh Thị Thanh T (18/5/2006) nhưng trên thực tế ông P, bà X không biết chữ, bà V thừa nhận toàn bộ do bà viết theo ý chỉ của ông P, bà X nhưng không đề cập đến việc có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Ngô Đức H2 nên các chứng cứ do bà V xuất trình không có cơ sở chấp nhận. Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của Chủ tịch UBND huyện Đ được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung.

- Bà Huỳnh Thị Thu V, người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích Hợp pháp của người đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người kháng cáo. Tại phiên toà không đưa ra được chứng cứ mới, các chứng cứ đưa ra đã được cấp sơ thẩm nhận định xem xét đánh giá đầy đủ, đúng quy định. Như vậy tính pháp lý của Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 14/08/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của Chủ tịch UBND huyện Đ được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung căn cứ *Luật đất đai năm 1987, năm 1993 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tổng cục địa chính.*

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng, đầy đủ các chứng cứ thực tế quá trình sử dụng cũng như việc cấp và cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật đảm bảo được quyền lợi của người sử dụng đất và người nhận chuyển nhượng đất nên bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Huỳnh Văn P do ông Huỳnh Văn L người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên việc kháng cáo của ông Huỳnh Văn L là không có căn cứ. HĐXX phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông cần giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 khoản 6 điều 59, khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 1987, năm 1993 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tổng cục địa chính;

Áp dụng Điều 30, khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Huỳnh Văn L và giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 16-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P do ông Huỳnh Văn L kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 788/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 14-8-2000 của UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân tại thị trấn L, huyện Đ và 1 phần Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 29-12-2008 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

3. Sửa bản án sơ thẩm về xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Xác định lại ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị H người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng trong vụ án hành chính.

4. Buộc ông Huỳnh Văn L phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà V đã nộp thay ông theo biên lai thu số 0007299 ngày 09-02-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa án huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Trịnh Văn Hùng